TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày 08 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm, bà Trần Thị Liên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 02/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 23/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 27/7/1997 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 61 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Số 215 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 và bà Phan Thị Quỳnh T, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 146/2016/HSST ngày 24/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 01 Điều 138 Bộ luật hình sự. Ngày 29/12/2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:* Chị Hoàng Thị Hải H, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 73 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lê Bá Quốc V, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 10, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Nguyễn Trường Gia B, sinh năm 2003 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành Đ là nhân viên bán hàng kiêm tài xế chở hàng của Công ty Đ (trụ sở tại số 29 đường Y nối dài, xã E, thành phố B) nên quen biết với chị Hoàng Thị Hải H, là khách hàng của Công ty Đ. Đến tháng 4/2023, Đ nghỉ việc tại Công ty Đ. Sau khi nghỉ việc, thấy chị H thường nhắn tin cho Đ hỏi về giá các sản phẩm của Công ty Đ nên Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H. Đ biết tại thành phố Buôn Ma Thuột chỉ có Công ty Đ phân phối độc quyền các sản phẩm của hãng Ariston nên đã lập 01 tài khoản mạng xã hội Facebook có tên "Minh Npp", sau đó Đ tìm trang Facebook tên "Trang Trí nội ngoại thất C", là trang Facebook bán hàng của chị H. Đ vào ứng dụng Messenger đăng ký bởi tài khoản Facebook tên "Minh Npp" nhắn tin đến Facebook tên "Trang Trí nội ngoại thất C" của chị H giả vờ hỏi mua các sản phẩm trang trí nội thất nhưng chị H không trả lời.

Ngày 02/7/2023, Đ mượn điện thoại của anh Lê Bá Quốc V gọi cho chị H, giả làm người mua hàng tên Minh và nói với chị H là có nhắn tin hỏi mua hàng trên Facebook, yêu cầu chị H nhắn tin trao đổi cụ thể thì chị H đồng ý. Khi thấy chị H nhắn tin lại, Đ nói dối tên là Minh, làm bên bất động sản, cần mua các sản phẩm trang trí nội thất như bình nước nóng năng lượng mặt trời, bồn cầu, bồn rửa chén có giá tốt và có thể hợp tác lâu dài. Đồng thời, Đ lập một tài khoản Zalo có tên "Minh Npp" được đăng ký bởi một số điện thoại là sim rác, nhắn tin cho chị H qua ứng dụng Zalo có tên "Hải Hà", tiếp tục giả khách hàng tên Minh và hỏi mua 01 máy nước nóng năng lượng mặt trời, hãng Ariston, dung tích 190 lít và một bình nước nóng gián tiếp, hãng Ariston, dung tích 15 lít. Do chị H không biết Đ đã nghỉ việc tại Công ty Đ nên đã nhắn tin hỏi Đ giá các sản phẩm trên thì Đ báo giá cho chị H tổng giá trị của 02 sản phẩm trên là 9.600.000 đồng. Sau đó, chị H nhắn tin cho tài khoản Zalo có tên "Minh Npp" báo giá 02 sản phẩm trên là 10.450.000 đồng thì Đ nhắn lại là đồng ý. Đ nói chị H giao và lắp đặt 02 sản phẩm trên tại địa chỉ: 83 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là địa chỉ Đ tự nghĩ ra), lắp đặt xong sẽ trả tiền luôn thì chị H đồng ý. Chị H nhắn tin qua Zalo tên "Thành Đại Ariston" nói Đ chuyển hàng để lắp đặt cho khách tại 83 đường Đ, phường T, thành phố B, Đ tiếp tục nói dối chị H là phải đặt cọc số tiền 1.600.000 đồng với lý do để Công ty xuất hàng đi lắp thì chị H đồng ý. Sau đó, Đ hỏi mượn anh Nguyễn Trường Gia B số tài khoản ngân hàng 0855086xxx, mang tên Nguyễn Trường Gia B, mở tại ngân hàng TMCP Q, để chị H chuyển tiền (Đ nói dối B là để khách hàng chuyển khoản tiền hàng). Sau khi nhận được tiền, Đ sử dụng tài khoản Zalo có tên "Minh Npp" nhắn tin cho chị H nói dối là đã nhận được hàng và mượn điện thoại của B chuyển số tiền 1.600.000 đồng vào tài khoản ZaloPay của Đ, được đăng ký bằng số điện thoại 0843673xxx.

Sau đó, để chị H tin tưởng và kéo dài thời gian thanh toán, Đ giả vờ hỏi mua thêm một số mặt hàng rồi nói chị H ngày 04/7/2023 tiếp tục giao xuống địa chỉ 83 đường Đ, phường T, thành phố B rồi thanh toán luôn thì chị H đồng ý. Trưa ngày 03/7/2023, Đ sử dụng tài khoản Zalo có tên "Thành Đại Ariston" thúc giục chị H chuyển tiền thanh toán đơn hàng, với lý do chuyển tiền cho Công ty. Chị H tưởng thật nên đã chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản 0855086xxx của B cho Đ.

Sau khi nhận được tiền, Đ mượn điện thoại của B chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản ZaloPay của Đ. Đến tối cùng ngày, Đ tiếp tục thúc giục chị H chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản của B. Sau khi chị H chuyển tiền, Đ gọi điện thoại cho B nhờ chuyển số tiền này vào tài khoản ZaloPay của Đ. Sau đó, Đ khóa các tài khoản Facebook và Zalo để chặn chị H liên lạc với Đ, rồi sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết. Đến sáng ngày 04/7/2023, chị H giao hàng mà Đ đã đặt thêm đến địa chỉ 83 đường Đ, phường T, thành phố B, thì không có ai tên Minh, cũng không ai đặt mua hàng của chị H nên chị H đã trình báo cơ quan Công an.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thành Đ đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho chị Hoàng Thị Hải H số tiền 9.600.000 đồng, chị Hoàng Thị Hải H không có yêu cầu nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thành Đ phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*":

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Thành Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Hoàng Thị Hải H số tiền 9.600.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 02 và 03/7/2023, bị cáo Nguyễn Thành Đ dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 9.600.000 đồng của chị Hoàng Thị Hải H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo là người thành niên, nhận thức được hành

vi của mình nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác; hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[3] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trả lại cho chị Hoàng Thị Hải H số tiền 9.600.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về các đối tượng và hành vi khác liên quan:

Đối với anh Lê Bá Quốc V, là người cho bị cáo mượn điện thoại để gọi cho chị Hoàng Thị Hải H và anh Nguyễn Trường Gia B, là người cho bị cáo mượn số tài khoản ngân hàng để chị Hoàng Thị Hải H chuyển tiền cho bị cáo, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu trắng, không rõ dung lượng, gắn sim số 0843673979, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, chiếc điện thoại bị hỏng và bị cáo đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý được.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành Đ**: 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thành Đ đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.600.000 đồng cho chị Hoàng Thị Hải H; chị Hoàng Thị Hải H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng